TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2018/DS-ST
Ngày:05 - 6 - 2018
"V/v tranh chấpHĐ mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Trần Quốc Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm
2. Ông Nguyễn Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST–DS ngày 12/02/2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST- DS ngày 27/4/2018, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1969.Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: xã M, huyện P, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Văn C trình bày: Năm 2014 và 2015, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ đến mua phân bón và thuốc vật tư nông nghiệp tại đại lý A do ông Phạm Văn C làm chủ. Sau thời gian mua hàng ông T và bà Đ còn nợ số tiền là 215.000.000 đồng,ông T và bà Đ có ký giấy vay mượn số tiền còn nợ 215.000.000 đồng hẹn 60 ngày trả. Nay đã quá thời hạn nhưng ông T và bà Đ không trả nên ông C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Đ trả số tiền còn nợ là 215.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên

hòa giải nhiều lần nhưng ông T và bà Đ vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Tranh chấp giữa ông Phạm Văn C với ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ là tranh chấp hợp đồng mua bán. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T, bà Đ không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại thời điểm ông C và ông T, bà Đ giao kết và thực hiện giao dịch mua bán, Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng mua bán tài sản có một số nội dung khác với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[3]Về yêu cầu trả nợ của ông C: Năm 2014 và 2015, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ có mua phân bón và thuốc vật tư nông nghiệp tại đại lý A do ông Phạm Văn C làm chủ, sau thời gian mua hàng ông T và bà Đ còn nợ ông C số tiền là 215.000.000 đồng. Ngày 04/4/2016, ông T và bà Đ có ký tên vào Giấy vay mượn tiền, nội dung ghi mượn của ông C số tiền là 215.000.000 đồng, lý do nợ vật tư nông nghiệp (VTNN) và hẹn trong vòng 60 ngày hoàn trả đủ số tiền trên. Nay ông T và bà Đ chưa trả nên ông C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Đ trả số tiền nợ là 215.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Ông C không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông C được chấp nhận nên ông T và bà Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí ông T và bà Đ phải chịu là 10.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C đối với ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới trả ông Phạm Văn C số tiền nợ là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong số tiền nói trên, hàng tháng ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ còn phải liên đới chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 10.750.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả ông Phạm Văn C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.375.000 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003125 ngày 08 tháng 02năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/6/2018. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.